



Ươm mầm tri thức

Nâng bước tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Trụ sở chính 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4 Quận 5, TP. HCM
Điện thoại (028) 73 035 556



SEDIDCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

MỤC LỤC

1

03

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

2

21

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2019

3

39

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4

49

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

55

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

63

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2019



THÔNG TIN CHUNG

| | |
|------------------------------------|----|
| Thông tin chung | 05 |
| Quá trình hình thành và phát triển | 07 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 09 |
| Sơ đồ tổ chức | 11 |
| Các giải thưởng tiêu biểu | 11 |
| Định hướng phát triển | 13 |
| Các rủi ro | 17 |



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

| | |
|---|--|
| Tên giao dịch | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM |
| Tên Tiếng Anh | Phuong Nam Education Investment and Development Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | EDID JSC |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Số 4103006644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/06/2017 số 0304952106. |



| | |
|---------------------|---|
| Logo |  |
| Mã cổ phiếu | SED |
| Vốn điều lệ | 100.000.000.000 đồng |
| Trụ sở chính | 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Điện thoại | (028) 73 035 556 |
| Fax | (028) 38 305 002 |
| Email | info@phuongnam.edu.vn |
| Website | www.phuongnam.edu.vn |

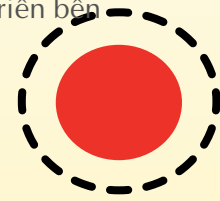
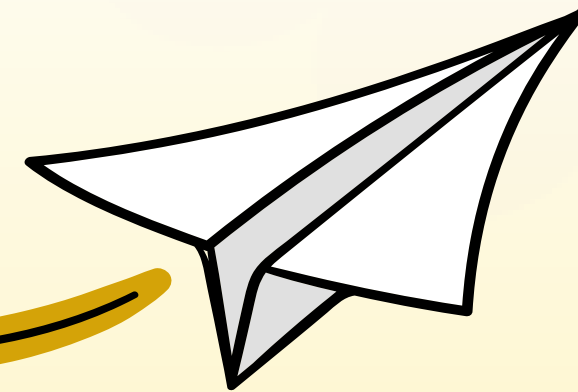
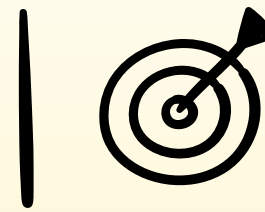
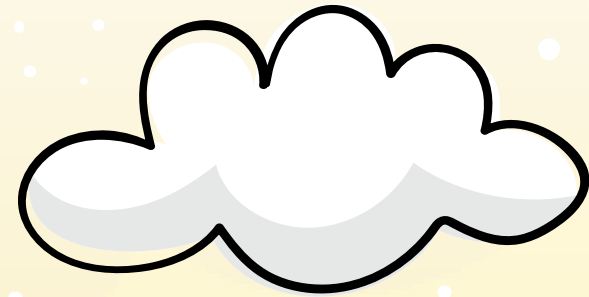


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



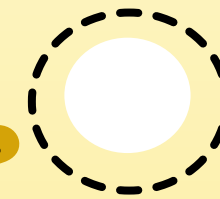
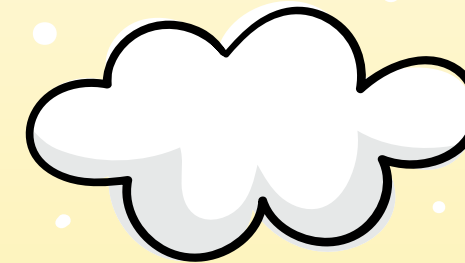
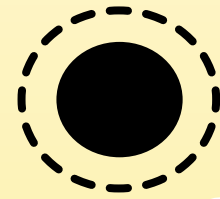
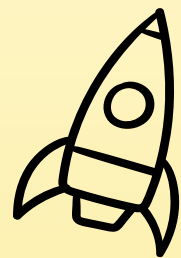
2017

Công ty nhận bằng khen của Cục Thuế TP.Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vinh danh công ty lần thứ 03 năm trong nhóm 100 doanh nghiệp có Báo cáo tài chính minh bạch và phát triển bền vững.



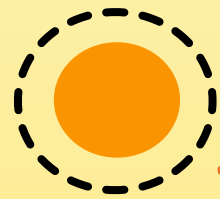
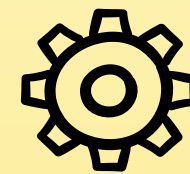
2009

Ngày 19/08/2009, Công ty được chính thức niêm yết theo quyết định số 458/QĐSGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.



2015

Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.



2007

Ngày 23/03/2007, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ-UB của Nhà xuất bản Giáo dục. Ngày 09/05/2007, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304952106.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

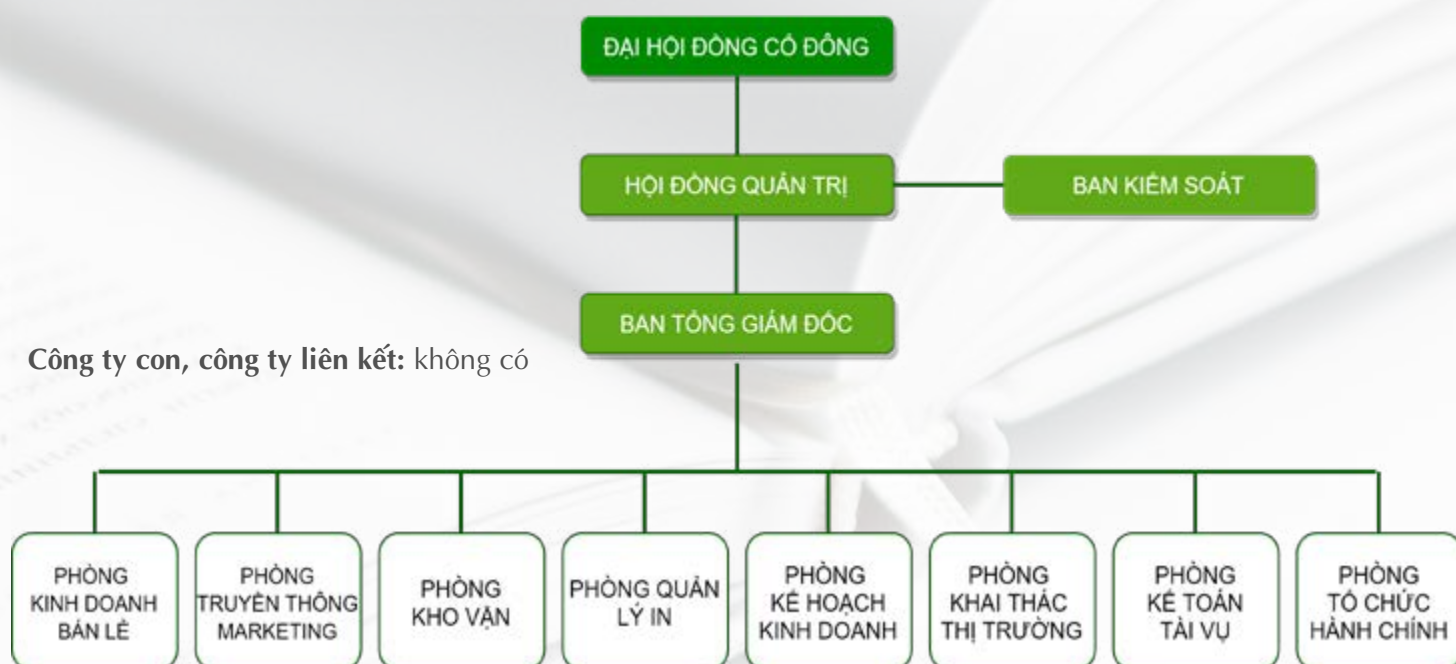
- » Đại lý phát hành sách báo, tạp chí;
- » Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- » In bao bì; sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- » Dịch vụ in ấn, đóng bìa gáy sách, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- » Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa;
- » Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học vào sao chép băng ghi;
- » Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- » Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- » Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách tư và vấn du học;
- » Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính và kế toán);
- » Kinh doanh bất động sản;
- » Thiết kế đồ họa, tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- » Dịch thuật.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

- » Cung ứng sách bổ trợ, sách giáo khoa phục vụ cho giáo viên, học sinh tại các tỉnh thành phố phía Nam.
- » Cung ứng sách tham khảo liên quan việc dạy và học của giáo viên, phụ huynh và học sinh cả nước.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Trong suốt 10 năm hình thành và phát triển, toàn thể CBCNV công ty đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Vì thế năm nào công ty cũng nhận được bằng khen và cờ thi đua “Tập thể Lao động xuất sắc” và “Cúp đặc biệt xuất sắc” do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trao tặng. Ngoài ra công ty còn nhận được:

| Năm | Thành tích |
|------|---|
| 2013 | Cúp: Đạt thành tích Đặc biệt xuất sắc (30/QĐ-TCNS 13/1/2014) |
| 2014 | Huân chương Lao động Hạng 3 của Chủ tịch nước. QĐ số 74/QĐ-CTN ngày 14/1/2015 (Đạt thành tích xuất sắc từ năm 2009-2013) Cúp Đặc biệt xuất sắc do đạt hiệu quả kinh doanh toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống. (QĐ 82/QĐ/TCNS ngày 20/01/2015) |
| 2015 | Cúp đặc biệt xuất sắc cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN. (QĐ 38/QĐ-TCNS ngày 18/1/2016). |
| 2016 | Cúp đặc biệt xuất sắc cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN. (QĐ 31/QĐ-TCNS ngày 12/1/2017). |
| 2018 | Đơn vị đạt hiệu quả sản xuất - kinh doanh xuất sắc tiêu biểu năm 2018. (QĐ 68/QĐ-NXBGDVN ngày 15/1/2019). |
| 2019 | Cờ thi đua cho đơn vị đạt hiệu quả sản xuất - kinh doanh xuất sắc tiêu biểu năm 2019. (QĐ 56/QĐ-NXBGDVN ngày 06/1/2020). |

*Ngoài ra các năm đều đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phát triển ổn định bền vững, mở rộng địa bàn kinh doanh trên cả nước. Đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp và duy trì lợi ích của cổ đông. Nhằm thực hiện được các mục tiêu đã đề ra, Công ty đã có những chính sách cụ thể như:



VỀ SẢN PHẨM

Đảm bảo về cả chất lượng và số lượng của các sản phẩm như: sách, vở, thiết bị giáo dục... Hơn thế nữa, gia tăng sản phẩm mới bao gồm sách điện tử và các công cụ hỗ trợ nhằm đa dạng hóa các sản phẩm của công ty.



VỀ CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

Khẳng định vị thế hiện tại của Công ty, duy trì thế mạnh cung ứng các sản phẩm giáo dục phổ thông, phát triển thêm khách hàng mới, địa bàn, đối tượng mới. Bên cạnh đó, Công ty cần khảo sát, nghiên cứu và ứng dụng chính sách kinh doanh hợp lý để đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để xử lý quyết liệt đối với nạn in lậu, đồng thời nghiên cứu và đưa ra các giải pháp công nghệ nhằm hạn chế việc in lậu.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN

- 01** Tiếp tục tập trung phát triển những ngành nghề chủ đạo hiện có của Công ty theo chiều sâu.
- 02** Chuẩn bị mọi nguồn lực về tài chính, cơ cấu lại bộ máy nhân sự nhằm đáp ứng được xu thế thị trường cũng như nắm bắt những thay đổi, bổ sung về chương trình học và sách giáo khoa dự kiến diễn ra trong giai đoạn từ năm 2019- 2025.
- 03** Chọn lọc, biên tập, chỉnh sửa bản thảo của sách tham khảo hiện có, tiếp cận chương trình sách giáo khoa mới. Hơn thế nữa, Công ty sẽ liên kết với biên tập viên của các công ty dịch vụ xuất bản Giáo dục các miền trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để điều chỉnh thiết kế, nội dung cho phù hợp với chương trình học và phương pháp giảng dạy mới.
- 04** Tìm kiếm, phát triển đội ngũ tác giả, cộng tác viên để tổ chức bản thảo sách tham khảo mới.
- 05** Quản lý chặt chẽ nguồn hàng, giảm thiểu hàng tồn kho vào cuối năm.
- 06** Mở rộng, phát triển mạng lưới phát hành, có chính sách ưu đãi đối với những đối tác, đại lý, khách hàng chiến lược; song song đó đẩy mạnh hệ thống bán lẻ thông qua các cửa hàng địa phương bằng hình thức ký gửi sách, đặt gian hàng sách...
- 07** Cập nhật văn hóa thế giới là công việc SEDIDCO cần theo sát; không để sản phẩm của Công ty trở nên lạc hậu, không còn phù hợp với trình độ văn hóa ngày càng phát triển cao của cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

- 01** Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn kết chặt chẽ với nền giáo dục Việt Nam, nên mục tiêu cũng như định hướng phát triển của SE-DIDCO luôn song hành cùng các chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước, đặt các vấn đề đó lên hàng đầu. Nhờ vậy, Công ty sẽ xây dựng được các sản phẩm phù hợp với định hướng phát triển chung.
- 02** Xác định con người phải là động lực phát triển duy nhất của Công ty. Vì vậy về lâu dài chiến lược phát triển về nhân sự là chiến lược chủ đạo của SEDIDCO.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- » Thực hiện đầy đủ các cam kết về môi trường, hạn chế sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại.
- » Tăng tỷ lệ sử dụng các nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm tái chế nhằm giảm bớt chất thải gây hại cho môi trường.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- » Tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng của cán bộ công nhân viên cũng được chú trọng, nhằm xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, xuất sắc là tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- » Công ty luôn đảm bảo cán bộ công nhân viên được chăm lo đầy đủ về vật chất, sức khỏe, tinh thần.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- » Là một mắt xích trong hệ thống giáo dục Việt Nam, Công ty theo đuổi chính sách cung cấp và xuất bản những cuốn sách đảm bảo cả về nội dung lẫn hình thức, để góp phần vào sự phát triển văn hóa, giáo dục của người Việt Nam.
- » Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng: hàng năm công ty trích ra một phần lợi nhuận nhằm chia sẻ gánh nặng xã hội thông qua các hoạt động từ thiện, cải thiện đời sống cho các đối tượng phù hợp. Bên cạnh đó, phối hợp tổ chức và tài trợ các hội thi, chương trình văn hóa để gây quỹ khuyến học dành cho những cá nhân có thành tích xuất sắc, vượt khó trong học tập.

*Ươm mầm tri thức
Nâng bước tương lai*





RỦI RO KINH TẾ

Rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và SED nói riêng.

Tăng trưởng kinh tế là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế nên hoạt động sản xuất kinh doanh của SEDIDCO luôn gắn liền với biến số vĩ mô này. Năm 2019 vừa qua, theo Tổng Cục Thống Kê, Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng 7,02%. Cùng với sự phát triển kinh tế, lạm phát cũng được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo kinh tế tăng trưởng hiệu quả. Tăng trưởng GDP góp phần làm tăng thu nhập của người dân dẫn đến thúc đẩy tiêu dùng, là điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với tốc độ phát triển bền vững của nền kinh tế giai đoạn 2015 - 2019 bất chấp một số khó khăn do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, SEDIDCO tin rằng năm 2020 và xa hơn nữa kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng khả quan. Tuy nhiên hội đồng quản trị và ban điều hành của SED vẫn luôn chủ động theo dõi diễn biến kinh tế vĩ mô để kịp thời đưa ra những chính sách giúp Công ty vượt qua những khó khăn.

RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã kí kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cùng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, phân phối các sản phẩm của ngành giáo dục Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam như: Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật Xuất bản, Luật Giáo dục và các văn bản pháp luật liên quan. Hơn thế nữa, là công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, SED luôn tuân thủ các quy định tại Luật Chứng Khoán và các văn bản dưới Luật liên quan khác.

Năm 2019, Nhà nước đẩy mạnh luật hóa chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 88/2014/QH13. Theo đó, Luật Giáo dục (sửa đổi) ngày 14/06/2019 đã chính thức thông qua việc thực hiện chủ trương “Một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa”. Vì vậy, đòi hỏi Công ty phải nhanh chóng vạch ra các bước đi mới trong tương lai phù hợp với các biến động cung cầu trên thị trường.

RỦI RO CẠNH TRANH

Vào tháng 6 năm 2019, Quốc hội thông qua việc thực hiện một chương trình thống nhất trên cả nước với nhiều sách giáo khoa đã tạo ra áp lực cạnh tranh đối với việc phát hành sách giáo khoa của Công ty. Còn đối với các sản phẩm khác như sách tham khảo, thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm... thì cũng như các công ty khác trong cùng ngành đều chịu tình trạng cạnh tranh gay gắt của thị trường, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm. Đối mặt với khó khăn này, đòi hỏi Công ty phải luôn không ngừng nỗ lực để có thể đứng vững và phát triển. Muốn vậy, Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết và giàu kinh nghiệm. Đây cũng là một trong những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong cả hiện tại và tương lai.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH



RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động chính của Công ty là biên soạn, in ấn và phát hành nên chi phí nguyên liệu đầu vào chủ yếu là giấy và mực in chiếm một tỉ trọng lớn. Cụ thể, chi phí nguyên vật liệu chiếm 42% tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019. Vì vậy, mọi biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu đầu vào tại những thời điểm thích hợp để tránh việc giá nguyên vật liệu biến động quá cao.

RỦI RO BẢN QUYỀN

Do sự hấp dẫn về doanh thu nên nhiều nhà xuất bản đã tham gia xuất bản sách, dẫn đến việc thị trường xuất bản trong nước tràn lan các loại sách tham khảo có nội dung gắn với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản, doanh nghiệp tư nhân. Sách lậu và sách xuất bản vi phạm bản quyền đang phát triển với quy mô ngày càng lớn, thậm chí ảnh hưởng của sách lậu đã thực sự ghìm chân sự phát triển của thị trường xuất bản. Vấn nạn trên gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình phát hành và kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và của Công ty nói riêng. Diễn biến tiếp theo nữa là làm mất lòng tin của độc giả đối với chất lượng và nội dung sản phẩm. Đối phó với tình trạng trên, Công ty chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và ra sức kêu gọi bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp nhằm xây dựng nên một môi trường cạnh tranh lành mạnh. Giải pháp dài hạn của SEDIDCO là tạo ra các dòng sản phẩm mới được tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.

RỦI RO HÀNG TỒN KHO

Hiện nay, chương trình giáo dục Việt Nam vẫn luôn cải tiến đổi mới và cập nhật hàng năm. Việc thay đổi thường xuyên chương trình học và nội dung giảng dạy chính là trở ngại lớn của các doanh nghiệp ngành xuất bản nói chung và của Công ty nói riêng. Điều này gây ra thách thức lớn đối với Công ty trong việc quản lý hàng tồn kho. Trong trường hợp công ty in ấn và phát hành quá nhiều so với nhu cầu thực tế thì số sách này cũng khó tiêu thụ trong những năm tiếp theo. Vì thế, ban lãnh đạo cần phải đưa ra những chính sách tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Không thể phủ nhận tầm quan trọng của ngành in ấn đối với đời sống. Tuy nhiên, quá trình in ấn gây ra nhiều tác động xấu lên môi trường xung quanh như ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí do các dung môi của mực in, ô nhiễm do các chất thải rắn như bản in, giấy in. Từ khi nước ta có luật bảo vệ môi trường, vấn đề giảm thiểu ô nhiễm môi trường không chỉ là nhiệm vụ của từng cá nhân, từng cơ sở sản xuất mà là của các công ty, xí nghiệp công nghiệp trên toàn quốc. Nhận thức được vấn đề trên, SEDIDCO luôn gắn việc kinh doanh của Công ty song hành với sự phát triển bền vững và đề ra chiến lược phát triển hợp lý để có thể đảm bảo vừa cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời góp phần làm giảm sự ô nhiễm tác động lên môi trường xung quanh.

RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, dịch bệnh, hỏa hoạn... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin, đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền phòng chống cháy nổ và mua bảo hiểm tài sản nhằm bảo vệ tài sản của doanh nghiệp trước những tổn thất có thể xảy ra.

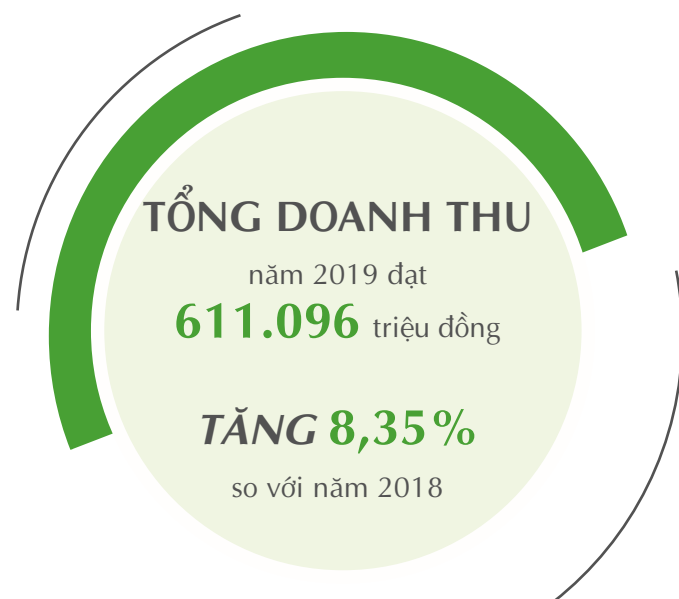


TÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

| | |
|---|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 23 |
| Tổ chức và nhân sự | 25 |
| Tình hình tài chính | 31 |
| Tình hình đầu tư, thực hiện dự án | 31 |
| Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 34 |
| Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng | 37 |



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % Năm 2019/ Năm 2018 |
|---|----------|----------|----------------------|
| Tổng doanh thu | 564.030 | 611.106 | 108,35% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 48.289 | 49.303 | 102,10% |
| Lợi nhuận trước thuế | 47.730 | 49.271 | 103,23% |
| Lợi nhuận sau thuế | 37.065 | 37.815 | 102,02% |

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam năm 2019



Năm 2019 mặc dù môi trường kinh doanh được dự báo tiếp tục có nhiều khó khăn hơn do việc triển khai kế hoạch chương trình giáo dục mới, tâm lý chờ thay sách - hạn chế tồn kho ở các đối tác, thị trường phát hành được dự báo giảm sản lượng và nhiều yếu tố cạnh tranh đan xen bất lợi khác... nhưng Công ty đã cố gắng khắc phục và đạt được kết quả đáng ghi nhận. Kết quả số lượng phát hành đạt được tương đương số lượng kế hoạch đề ra. Cụ thể, sản lượng Sách giáo khoa, bổ trợ và Sách tham khảo phát hành tăng so với năm 2018 đã góp phần giúp tổng doanh thu tăng hơn 8% so với năm 2018, tương ứng tăng hơn 47 tỉ đồng và lợi nhuận trước thuế tăng nhẹ 1 tỉ đồng so với năm 2018. Kết thúc năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh của SEDIDCO đạt được đúng với lộ trình đã đặt ra.

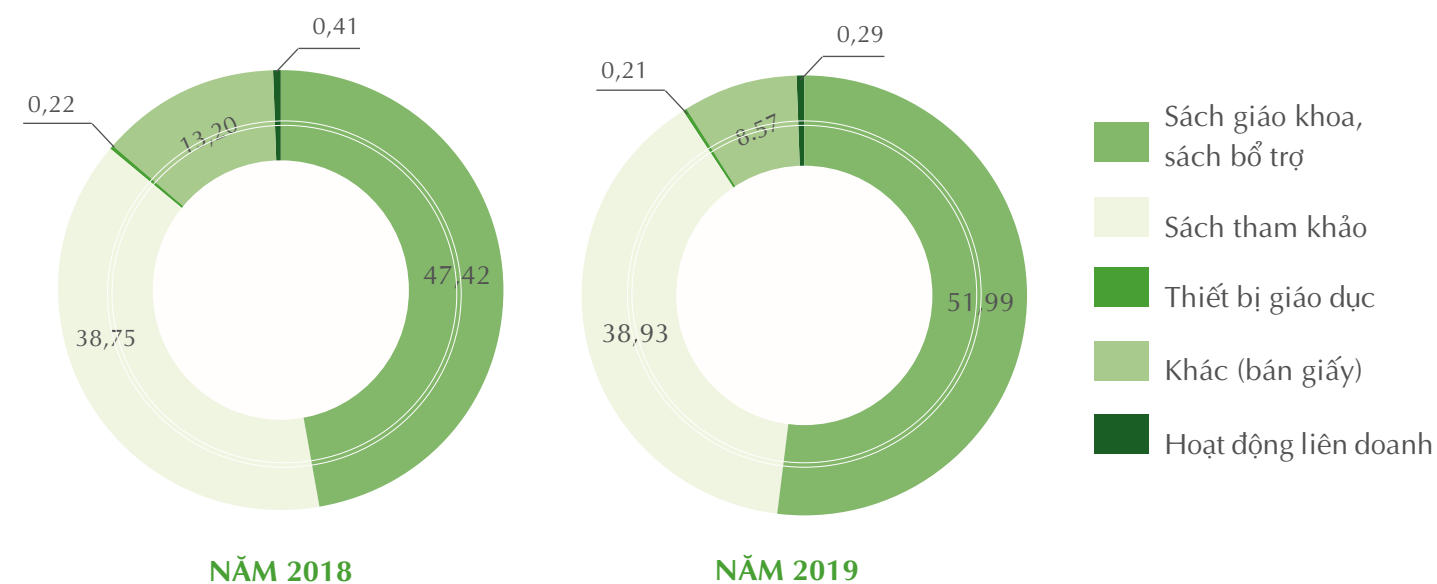
CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2018 | Tỷ trọng | Năm 2019 | Tỷ trọng |
|---------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ | 267.455 | 47,42% | 317.728 | 51,99% |
| Doanh thu sách tham khảo | 218.557 | 38,75% | 237.930 | 38,93% |
| Doanh thu thiết bị giáo dục | 1.260 | 0,22% | 1.299 | 0,21% |
| Doanh thu khác (bán giấy) | 74.439 | 13,20% | 52.391 | 8,57% |
| Doanh thu từ hoạt động liên doanh | 2.319 | 0,41% | 1.758 | 0,29% |
| Tổng cộng | 564.030 | 100,00% | 611.106 | 100,00% |

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam năm 2019

Sơ đồ cơ cấu doanh thu



Cơ cấu doanh thu của Công ty trong năm 2019 không có sự thay đổi đáng kể. Doanh thu từ việc bán sách giáo khoa, bổ trợ và sách tham khảo tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu năm 2019 và đạt xấp xỉ 52% và 39% tương ứng trong tổng doanh thu. Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động khác (chủ yếu là bán giấy) đã giảm gần 30% so với cùng kỳ năm 2018, tương ứng giảm 27 tỉ đồng và chỉ còn đóng góp 8,57% trong tổng doanh thu.

Doanh thu từ bán thiết bị giáo dục hầu như không thay đổi so với năm 2018. Do giá vốn hàng bán của mặt hàng này khá cao nên lợi nhuận thu về từ việc

bán thiết bị giáo dục là không khả quan. Vì vậy, trong năm Công ty áp dụng chính sách bán hàng mới là tiếp tục củng cố thị trường sách giáo khoa, tăng thị phần sách tham khảo và giảm tỷ trọng các mặt hàng có biên lợi nhuận thấp. Hiện tại Công ty vẫn đang tiến hành theo lộ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra và triển khai chương trình in ấn xuất bản từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2020 cho bộ sách giáo khoa lớp 1. Đồng thời, Công ty vạch ra kế hoạch cụ thể cho công tác xuất bản các bộ sách lớp 2 và lớp 6 trong thời gian sắp tới.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|---------------|-------------------|-------------------------|--------------|
| Lê Huy | Tổng Giám đốc | - | - |
| Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | 10.500 | 0,105% |
| Lê Phương Mai | Phó Tổng Giám đốc | 25.000 | 0,25% |
| Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | - | - |

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM: không có



Ngày sinh 14/12/1974
Nơi sinh Ninh Bình
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú Tổ 21 Tập thể ĐHSP, Dịch Vọng, Hà Nội
Trình độ chuyên môn Cử nhân
Chức vụ hiện nay tại Công ty Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay 0 cổ phần

Ông Lê Huy
Tổng Giám đốc



Ngày sinh 04/06/1975
Nơi sinh Hà Bắc
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 232/1 Cộng Hòa, P.12, Quận Tân Bình, TP.HCM
Trình độ chuyên môn Đại học Kinh tế, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán
Chức vụ hiện nay tại Công ty Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay 25.000 cổ phần

Bà Lê Phương Mai
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh 02/08/1958
Nơi sinh Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 22/16 Lữ Gia, quận 11, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn Thạc sỹ
Chức vụ hiện nay tại Công ty Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay 10.500 cổ phần



Bà Mai Ngọc Liên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh 17/11/1980
Nơi sinh Ninh Thuận
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 04 Đường 47 Tân Quý Đông, Quận 7, TP.HCM
Trình độ chuyên môn Cử nhân
Chức vụ hiện nay tại Công ty Kế toán trưởng CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay 0 cổ phần



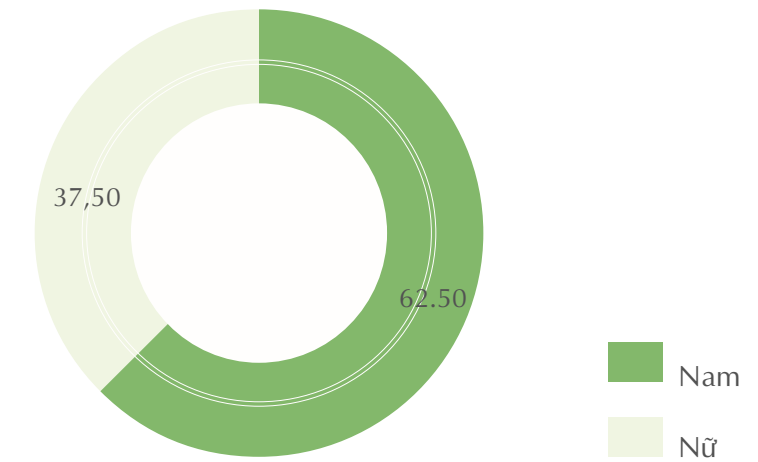
Bà Phạm Lan Anh
Kế toán trưởng



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng (người) | Tỷ lệ |
|----------|------------------------------------|------------------|----------------|
| A | Theo trình độ lao động | 104 | 100,00% |
| 1 | Trình độ đại học, trên đại học | 56 | 53,85% |
| 2 | Trình độ cao đẳng | 17 | 16,35% |
| 4 | Trình độ trung cấp | 6 | 5,77% |
| 5 | Lao động phổ thông | 25 | 24,04% |
| B | Theo loại hợp đồng lao động | 104 | 100,00% |
| 1 | Hợp đồng không thời hạn | 68 | 65,38% |
| 2 | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) | 10 | 9,62% |
| 3 | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm | 26 | 25,00% |
| C | Theo giới tính | 104 | 100,00% |
| 1 | Nam | 65 | 62,50% |
| 2 | Nữ | 39 | 37,50% |

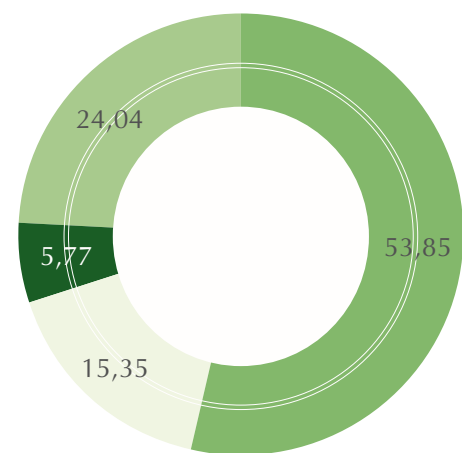
Theo giới tính



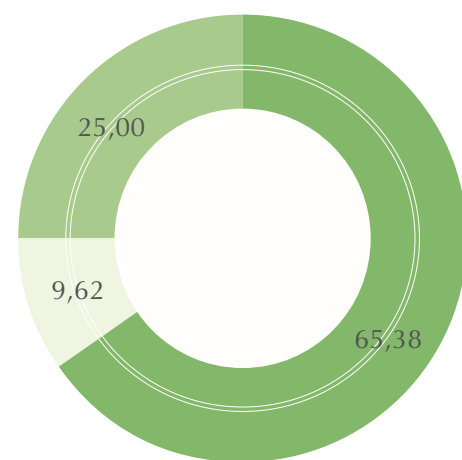
THU NHẬP BÌNH QUÂN

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người) | 84 | 89 | 91 | 104 |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 15.000.000 | 17.300.000 | 18.000.000 | 18.000.000 |

Theo trình độ lao động



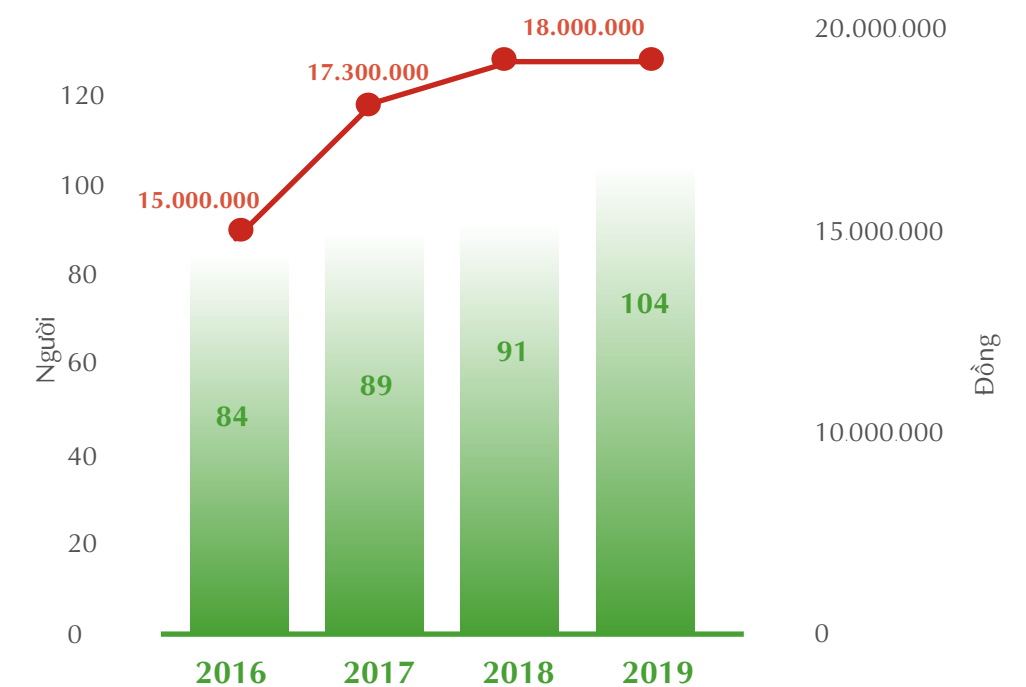
Theo tính chất hợp đồng lao động



Đại học, trên đại học
 Lao động phổ thông
 Cao đẳng
 Trung cấp

Không thời hạn
 Dưới 1 năm
 Từ 3 -5 năm

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Công ty đề cao phát triển nhân sự bền vững thông qua việc bảo đảm quyền lợi bình đẳng đối với người lao động. SEDIDCO đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả cán bộ nhân viên trong quá trình làm việc, và tạo điều kiện để mọi người phát huy năng lực tối đa. Việc đảm bảo quyền lợi bình đẳng với người lao động chính là cách thức để công ty phát triển nhân sự bền vững.



Về chế độ làm việc

Thời gian làm việc, nghỉ ngơi: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu để bảo đảm tiến độ, chất lượng trong các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, Công ty có thể yêu cầu CBNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động ngoài việc đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. CBNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Luật Lao động.

Điều kiện làm việc

Với cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, một mái nhà chung an toàn để CBNV có thể yên tâm cống hiến, phát huy tối đa năng lực của bản thân, Công ty đã bố trí văn phòng làm việc cho CBNV rộng rãi, khang trang. CBNV được cấp phát đồng phục, trang thiết bị làm việc hiện đại, được kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút và chào đón tất cả những ứng viên đang quan tâm tìm kiếm một môi trường làm việc năng động, tốc độ, sáng tạo và hiệu quả - nơi mỗi cá nhân có thể tự do sáng tạo, phát huy tối đa khả năng và kiến thức chuyên môn.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Lương, thưởng: Công ty đã xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của CBNV nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Bảo hiểm: Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật về việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn mua thêm bảo hiểm sinh mạng, tai nạn cá nhân 24/24h cho toàn thể CBNV.

Khen thưởng: Công ty đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng theo đó mọi CBNV có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của bộ phận đều phải được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng. Chính sách khen thưởng với các nội dung và hình thức khen thưởng chi tiết đã được phổ biến tới tất cả các Cán bộ Lãnh đạo, Cán bộ quản lý và toàn thể CBNV để tổ chức thực hiện.

Phúc lợi: Công ty quan tâm đến quyền lợi và đời sống tinh thần cho toàn thể CBNV. Chính sách phúc lợi đã được xây dựng rất chi tiết, thường xuyên được Ban Lãnh đạo Công ty nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung nhằm duy trì chế độ phúc lợi cho CBNV ở mức cao, qua đó góp phần tạo động lực làm việc, khích lệ CBNV đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của Công ty.



VỀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Đã kí hợp đồng với CTCP Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc để thuê 12.571,9 m² xây dựng nhà kho tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, TP.HCM, với giá 26,3 tỷ đồng. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định của NXBGDVN để tiến hành đấu thầu đầu tư xây dựng dự án Kho sách & Vật tư

VỀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tính tới thời điểm 31/12/2019, tổng mức đầu tư tài chính dài hạn của SED là 18,544 tỷ đồng. Công ty đã đầu tư góp vốn vào các công ty sau:

- 01. CTCP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định
- 02. CTCP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam
- 03. CTCP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)

Trong năm 2020 tới, Công ty đang lên kế hoạch chủ động thoái vốn tại CTCP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) với giá bán theo giá trên sàn UPCOM tại thời điểm thoái vốn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2018 | 2019 |
|--|------|-------|-------|
| Nhóm chỉ số Thanh khoản | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,09 | 1,76 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,97 | 0,82 |
| Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 40,62 | 45,56 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 68,40 | 83,67 |
| Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 2,56 | 2,54 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,55 | 1,55 |
| Nhóm chỉ số Sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 6,69 | 6,28 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 18,52 | 17,10 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 10,40 | 9,72 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 8,76 | 8,19 |

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

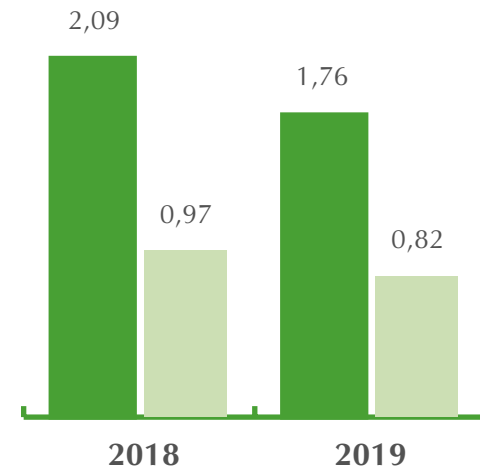
Công ty chỉ dùng vốn vay ngắn hạn, nguồn nội lực của mình từ vốn tự có, vận dụng vốn lưu động và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác,... để luân chuyển vốn kinh doanh. Tỷ trọng nợ/tổng tài sản của Công ty tăng từ 40,62% năm 2018 lên thành 45,56% năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do sự tăng lên trong khoản mục vay nợ ngắn hạn. Nhìn chung tỷ trọng nợ của Công ty vẫn đang ở mức khá cao; tuy nhiên, đây cũng là điều khá phổ biến đối với những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại như SEDIDCO.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

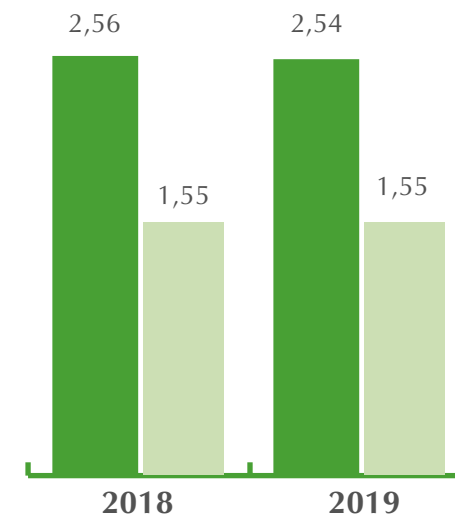
Các chỉ số về khả năng sinh lời phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nhìn chung, tỷ suất các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều sụt giảm nhẹ so với năm 2018. Nguyên nhân chính là Công ty tăng cường đầu tư vào các nhà kho và đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thăm dò phát triển thị trường.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Các khoản nợ ngắn hạn của SED chủ yếu được tài trợ từ vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC và Ngân hàng Standard Chartered để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cả hai hệ số về khả năng thanh toán đều giảm nhẹ lần lượt từ 2,09 và 0,97 vào năm 2018 xuống còn 1,76 và 0,82 trong năm 2019. Tuy có sự sụt giảm so với năm 2018, các hệ số về khả năng thanh toán vẫn ở mức an toàn, đảm bảo không thiếu hụt nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



● Hệ số thanh toán ngắn hạn
● Hệ số thanh toán nhanh



● Vòng quay hàng tồn kho
● Vòng quay tổng tài sản

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản không biến động nhiều trong năm 2019. Số vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2019 có sự giảm nhẹ so với năm 2018, cụ thể giảm từ 2,56 vòng xuống 2,54 vòng. Nguyên nhân vì hàng tồn kho, cụ thể là bộ sách VNEN bị ứ đọng, khó tiêu thụ sau khi Bộ Giáo dục đã triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ
Không có



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Loại cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------|---|-----------------------|---------------|
| Cổ đông lớn | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 43.390.000.000 | 43,39% |
| 2 | Pyn Elite fund (Non-Ucits) | 7.900.000.000 | 7,90% |
| Tổng cộng | | 51.290.000.000 | 51,29% |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT | Loại cổ đông | Số cổ phần | Giá trị | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------|---------------------------|-------------------|------------------------|----------------|
| I | Cổ đông trong nước | 7.414.090 | 74.140.900.000 | 74,14% |
| 1 | Cổ đông nhà nước | 4.339.000 | 43.390.000.000 | 43,39% |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 50.300 | 503.000.000 | 0,50% |
| 3 | Cổ đông cá nhân | 3.024.790 | 30.247.900.000 | 30,25% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 2.585.910 | 25.859.100.000 | 25,86% |
| 1 | Cá nhân | 838.610 | 8.386.100.000 | 8,39% |
| 2 | Tổ chức | 1.747.300 | 17.473.000.000 | 17,47% |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| Tổng cộng | | 10.000.000 | 100.000.000.000 | 100,00% |



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay, trong quá trình sản xuất, phát hành sách của SED chủ yếu sử dụng giấy và mực in. Việc sản xuất giấy và mực in đòi hỏi phải sử dụng rất nhiều hóa chất có thể gây tác động xấu đến môi trường xung quanh. Do đó, SEDIDCO luôn hợp tác lâu dài với những nhà cung cấp uy tín trên thị trường, cụ thể là Nhà máy In Tổng Bộ tham mưu với hơn 45 năm thành lập và phát triển và CTCP Giấy Phụng Vĩnh Hưng - Công ty giấy đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng chỉ FSC - CoC (Forest Stewardship Council-Chain of Custody), nhằm đảm bảo sản lượng sản xuất và hạn chế sử dụng các nguyên liệu có thể gây ô nhiễm môi trường.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không còn là điều xa lạ đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam. Và, CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam rất lấy làm vui lòng khi được thực hiện trách nhiệm của mình đối với địa phương tại nơi mà SEDIDCO đang kinh doanh - thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các vùng miền có hoàn cảnh khó khăn nói chung. Doanh nghiệp vẫn luôn duy trì mục tiêu hỗ trợ vì cộng đồng như một lời hứa đối với xã hội, nhằm phát triển doanh nghiệp và cộng đồng ngày một bền vững hơn.

Tiêu thụ nước

Công ty nhận thức được rằng nguồn nước là tài nguyên vô giá nhưng không phải vô tận, vì vậy mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp phải biết sử dụng hợp lý nhằm bảo vệ nguồn nước không bị cạn kiệt và còn giúp bảo vệ môi trường. Trong năm 2019, lượng nước tiêu thụ tại Công ty luôn được kiểm soát khá chặt chẽ, sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như đầu vòi sen có dòng chảy chậm, vòi rửa với cơ chế ngắt tự động. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn khuyến khích nhân viên tiết kiệm nước vì lợi ích chung.

Tiêu thụ năng lượng

Theo tính toán quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia. Trong giai đoạn 2010 - 2020 nước ta sẽ mất cân đối giữa khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nguồn điện năng. Từ một nước xuất khẩu thành nước nhập khẩu năng lượng. Ý thức được sự quan trọng của năng lượng điện ảnh hưởng ở tầm vi mô của từng doanh nghiệp. Công ty luôn có những biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng này bằng nhiều biện pháp sau:

- » Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng; bật điều

hòa ở nhiệt độ không thấp hơn 25°C.

- » Sử dụng đèn compact rộng rãi cho các phòng ban.
- » Hưởng ứng giờ Trái Đất.
- » Thay các thiết bị điện cũ kỹ, cải tiến hệ thống chiếu sáng. Việc làm này đã giúp tiết kiệm được 70% lượng điện năng tiêu thụ.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập và quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ nhân viên.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường. Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên, Công ty tổ chức các buổi tuyên truyền và đưa vào các chương trình đào tạo.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|---|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh | 41 |
| Tình hình tài chính | 43 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 45 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 46 |
| Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty | 47 |



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % 2019/2018 |
|---|----------|----------|-------------|
| Tổng doanh thu | 564.030 | 611.106 | 108,34% |
| Sách giáo khoa, bổ trợ | 267.455 | 317.728 | 118,80% |
| Sách tham khảo | 218.557 | 237.930 | 108,86% |
| Thiết bị giáo dục | 1.260 | 1.299 | 103,10% |
| Khác (bán giấy) | 74.439 | 52.391 | 70,38% |
| Hoạt động liên doanh | 2.319 | 1.758 | 75,81% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 48.289 | 49.303 | 102,10% |
| Lợi nhuận trước thuế | 47.730 | 49.271 | 103,23% |
| Lợi nhuận sau thuế | 37.065 | 37.815 | 102,02% |

| Chỉ tiêu | Giá trị (năm 2018) | % so với DTT (năm 2018) | Giá trị (năm 2019) | % so với DTT (năm 2019) |
|------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|
| Giá vốn bán hàng | 415.654 | 75,03% | 436.523 | 72,54% |
| Chi phí tài chính | 3.844 | 0,69% | 7.756 | 1,29% |
| Chi phí bán hàng | 54.565 | 9,85% | 66.480 | 11,05% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 34.253 | 6,18% | 44.167 | 7,34% |
| Tổng cộng | 508.316 | 91,76% | 554.927 | 92,22% |

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam năm 2019

Năm 2019, SEDIDCO đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà HĐQT đã đề ra trong bối cảnh kinh tế trong nước và ngoài nước có nhiều điểm thuận lợi và bất lợi đan xen, cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt. Công ty đang chịu áp lực về sự cạnh tranh và các chính sách giáo dục sẽ thay đổi nhiều trong giai đoạn sắp tới. Do đó Công ty rất nỗ lực trong cải cách quản trị, nâng cao chất lượng nội dung, thu hút lực lượng lao động chất lượng để sẵn sàng hợp tác, phát triển các ấn phẩm mới cũng như đem lại chất lượng sản phẩm tốt nhất cho người đọc.

Với sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của đơn vị chiến lược và sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên đã giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn thử thách và hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do phát triển thị trường của các sản phẩm mới. Tuy vậy, biên lợi nhuận gộp của Công ty không giảm. Điều đó chứng tỏ công ty đã đầu tư chi phí bán hàng hợp lý mang lại hiệu suất cao.



Thuận lợi

Năm 2019 được coi như năm bản lề của giáo dục và đào tạo với nhiều chương trình, kế hoạch dài hạn được ban hành. Ngày 27/12/2019, Bộ GD-ĐT đã công bố chương trình giáo dục phổ thông mới. Toàn bộ các cấp học sẽ được học theo chương trình phổ thông mới, áp dụng đầu tiên đối với lớp 1. Theo đó, có 32 sách giáo khoa của 8 môn học và hoạt động giáo dục được phê duyệt. Với tình hình đó sẽ làm tăng lượng cầu đột biến đối với bộ sách giáo khoa cấp 1.

Bên cạnh đó, tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế năm 2019 sẽ là tiền đề thúc đẩy kinh tế tiếp tục phát triển ổn định trong năm 2020 tới. Ngành giáo dục đang là một trong những ngành ưu tiên phát triển. Những thuận lợi trên góp phần thúc đẩy phát triển ngành giáo dục nói chung và các ngành liên quan như xuất bản, in ấn nói riêng.

Khó khăn

Việc biên soạn và xuất bản sách giáo khoa sẽ được xã hội hóa vì thế mà sách sẽ đa dạng hơn và sẽ không còn là sản phẩm độc quyền của Nhà xuất bản Việt Nam. Chính sách này đã thu hút nhiều nhà xuất bản tư nhân và doanh nghiệp tham gia xuất bản, phát hành sách giáo khoa và sách tham khảo đi kèm. Điều đó làm tăng tình trạng in lậu và phát hành sách giả làm ảnh hưởng đến thị trường và quyền lợi hợp pháp của Công ty.

Khó khăn đặt ra trong năm tới là vấn đề giải quyết tồn đọng của hàng tồn kho sách VNEN cho cấp 1. Ngoài ra, hệ thống các Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học tại các tỉnh thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ, thậm chí vừa nhỏ, vốn ít, nguồn nhân lực hạn chế. Vì vậy SEDICO gặp khó khăn trong khâu cung ứng sản phẩm, công nợ dây dưa kéo dài, không thực hiện đầy đủ các hợp đồng kinh doanh mua bán sản phẩm.





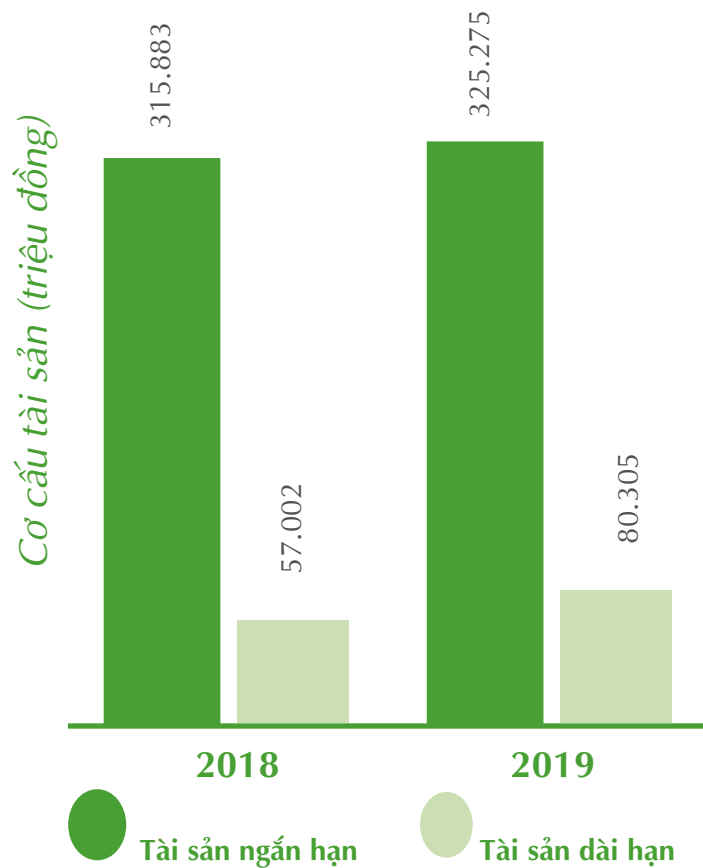
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | TH2019/ TH2018 | Tỷ trọng 2018 | Tỷ trọng 2019 |
|---------------------|----------------|----------------|-------------------|---------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | 315.883 | 325.275 | 102,97% | 84,71% | 80,20% |
| Tài sản dài hạn | 57.002 | 80.305 | 140,88% | 15,29% | 19,80% |
| Tổng tài sản | 372.886 | 405.579 | 108,77% | 100% | 100% |

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam năm 2019



Cơ cấu tài sản của Công ty không có nhiều thay đổi, khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản. Do đặc thù của ngành và chiến lược kinh doanh của Công ty nên Công ty có lợi thế rất lớn khi không phải đầu tư quá nhiều vào tài sản cố định. Việc đầu tư xây dựng kho sách tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung làm tổng giá trị tài sản dài hạn tăng gần 23 tỷ, tương đương 41% so với năm 2018.

Cuối năm 2019, tổng giá trị tài sản ngắn hạn tăng 3% so với cùng kỳ năm 2018. Theo đó, hàng tồn kho tăng lên tương ứng là 3,25% và ghi nhận đạt giá trị là 174,4 tỷ, điều này tạo ra một thách thức lớn đối với ban điều hành trong việc quản lý hàng tồn kho, nhất là trong bối cảnh thị trường sách giáo khoa, tham khảo sẽ có nhiều biến động trong thời gian tới, điều đó đòi hỏi ban điều hành Công ty phải đảm bảo chất lượng sách, nội dung sách và vòng quay hàng tồn kho sao cho phù hợp với thị hiếu, nhu cầu và chu kỳ kinh doanh của ngành sách nói chung.

Tình hình cố định hữu hình tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Tài sản cố định hữu hình | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Giá trị còn lại/Nguyên giá |
|---------------------------|---------------|-----------------|----------------------------|
| Máy móc thiết bị | 647 | - | 0% |
| Phương tiện vận tải | 11.485 | 3.372 | 0% |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 329 | - | 62,88% |
| Tổng | 12.461 | 3.372 | |

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam năm 2019

Tình hình nguồn vốn

1. Nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | TH2019/ TH2018 | Tỷ trọng 2018 | Tỷ trọng 2019 |
|-------------------------|----------------|----------------|-------------------|---------------|---------------|
| Nợ ngắn hạn | 151.456 | 184.763 | 121,99% | 100,00% | 100,00% |
| Nợ dài hạn | - | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | 151.456 | 184.763 | 121,99% | 100% | 100% |

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam năm 2019

Tình hình nợ phải trả trong năm cũng có sự tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì cơ cấu nợ lành mạnh suốt những năm qua, tránh việc vay nợ dài hạn, duy trì tiền mặt ở mức hợp lý để công ty có thể chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà không gặp phải những rủi ro về tín dụng. Trong năm nợ ngắn hạn tăng 22% chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động và chi trả chi phí lưu kho.

Cơ cấu nợ phải trả

Nợ ngắn hạn

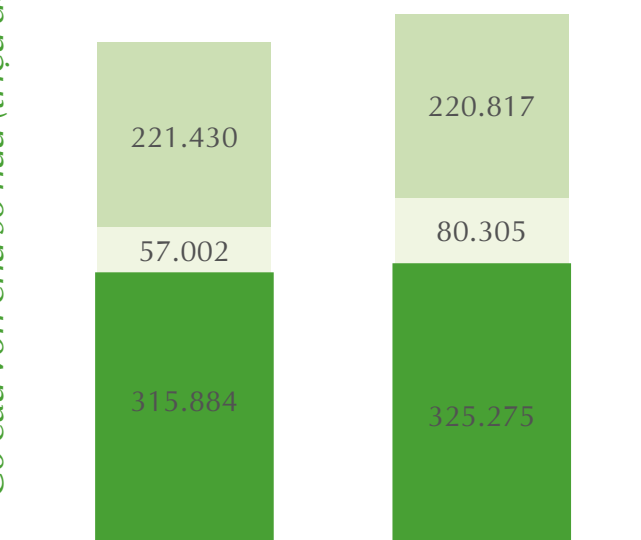
100%

Nợ dài hạn

0%



Cơ cấu vốn chủ sở hữu (triệu đồng)



2. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu TỶ ĐỒNG

221

Quý đầu tư phát triển TỶ ĐỒNG

119

Kết thúc năm 2019, vốn chủ sở hữu đạt 220,817 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2018 và chiếm hơn 54% tổng nguồn vốn. Trong đó, Vốn chủ sở hữu tập trung chủ yếu ở Vốn đầu tư chủ sở hữu 100 tỷ đồng và Quý đầu tư phát triển hơn 119 tỷ đồng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Bên cạnh những thiếu sót cần khắc phục và rút kinh nghiệm, trong năm 2019 Công ty đạt được nhiều tiến bộ trong công tác tổ chức, quản lý



- Nhiều cán bộ có phẩm chất, năng lực đã được cân nhắc đề bạt, bổ nhiệm. Với những kinh nghiệm dày dặn trong công tác quản lý, Ban Tổng Giám đốc được kì vọng sẽ tiếp nối những thành công đã đạt được, đồng thời tiếp tục phát huy những thế mạnh vốn có của Công ty, áp dụng hợp lý vào thực tiễn.
 - Quản lý công nợ đạt kết quả khả quan khi các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hạn sảm lên đến 32% những vẫn giữ vững được mối quan hệ với các công ty địa phương và khách hàng.
 - Công tác tổ chức, hành chính và chính sách đối với người lao động không ngừng được cải thiện. Thu nhập của người lao động trong năm 2019 ổn định. Đây là một nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc giúp người lao động yên tâm công tác.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Dự kiến trong năm 2020, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch |
|----------|---------------------------|-------------|------------------------|
| 1 | In - Nhập kho | | |
| | Sách bổ trợ | Bản | 22.633.000 |
| | Sách tự chọn | Bản | 4.487.000 |
| | Sách tham khảo | Bản | 5.093.900 |
| | Sách VNEN | Bản | 2.332.500 |
| 2 | Phát hành | | |
| | Sách bổ trợ | Bản | 26.400.000 |
| | Sách tự chọn | Bản | 4.600.000 |
| | Sách tham khảo | Bản | 8.000.000 |
| | Sách VNEN | Bản | 3.000.000 |
| 3 | Doanh thu | Đồng | 531.413.965.000 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 35.661.369.600 |

Biện pháp triển khai thực hiện

- » Xây dựng kế hoạch đề tài, kế hoạch phát hành, kế hoạch in - nhập kho năm 2020.
- » Đảm bảo đầy đủ, kịp thời và đồng bộ sách giáo khoa phục vụ năm học 2020-2021, nhất quyết không để xảy ra tình trạng thiếu sách giáo khoa theo yêu cầu của các công ty địa phương trong mọi thời điểm.
- » Tiếp tục chuẩn bị mọi điều kiện, tập trung nguồn lực về tài chính, tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao để tổ chức triển khai thực hiện các bộ sách Tiếng Anh, các bộ sách tham khảo trọng tâm và phát triển các dòng sản phẩm mới đón đầu chủ trương của Nhà nước "Một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa" trong giai đoạn 5 năm tới.
- » Đẩy mạnh phát hành các bộ sách tham khảo trọng tâm và sách tham khảo khai thác nguồn khác.
- » Giới thiệu bộ sách Tiếng Anh Family and Friends, My Adventure, Spark, Smart Time,... đến 24 Phòng Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- » Củng cố và phát triển thị trường đối với sách Express, Tin học, Tiếng Anh và các bộ sách tham khảo trọng tâm thông qua các đợt tập huấn.
- » Tiếp tục khai thác các đề tài sách tham khảo liên kết với các Sở Giáo dục và Đào tạo góp phần làm phong phú đề tài của Công ty.
- » Ổn định thị trường sách giáo khoa và đẩy mạnh hoạt động tiếp thị để phát triển thị phần sách tham khảo và thiết bị giáo dục.
- » Thực hiện chăm sóc khách hàng, chủ động lên lịch thu hồi nợ và khuyến khích khách hàng trả nợ đúng thời hạn.
- » Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động không thấp hơn năm 2019.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2019, Công ty đã tham gia các hoạt động vì cộng đồng bao gồm:

| Nội dung | Thành tiền (đồng) |
|--|--------------------|
| Mái ấm công đoàn | 50.000.000 |
| Tặng quà Tết cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn tại Tây Ninh | 28.000.000 |
| Tặng quà cho các hộ nghèo ở Quận 9, Quận Bình Thạnh | 19.000.000 |
| Hỗ trợ Đoàn TN - Hội CBB thực hiện CTXH Tết | 4.000.000 |
| Hỗ trợ sách cho học trò nghèo khó khăn tỉnh Bình Phước | 93.600.000 |
| Hỗ trợ sách cho Văn phòng Đảng ủy Khối và Phát triển Giáo dục Phía Nam | 13.334.869 |
| Tặng tủ sách thư viện, tập học sinh cho trường Trung học Khánh Hòa | 41.150.000 |
| Tổng cộng | 249.084.869 |

Và đặc biệt, vào thời điểm cuối năm 2019, hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Lãnh đạo Công ty, đội ngũ công nhân viên đã cùng nhau trực tiếp ủng hộ vào quỹ từ thiện SEDIDCO số tiền 30.000.000 đồng. Với số tiền này, SEDIDCO đã chuẩn bị được 100 phần quà giá trị dành cho người vô gia cư và trẻ em lang thang cơ nhỡ dịp Tết Canh Tý. Ngày 20/01/2020, đội quân tình nguyện của SEDIDCO chia làm ba hướng đã cùng khởi hành triển khai hoạt động tại các khu vực quận 1, quận 3, quận 5, quận 6, quận Phú Nhuận ... với mong muốn quà tặng sẽ đến tận tay những người vô gia cư, trẻ em lang thang cơ nhỡ đúng thời điểm Tết đang cận kề. Với tinh thần nhiệt huyết, các thành viên SEDIDCO đã hoàn thành một kế hoạch chi tiết với mục tiêu mang đến một cái “Tết ấm áp” cho những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Công ty luôn cam kết thực hiện:

- » Xây dựng kế hoạch cung ứng và quản lý vật tư một cách chặt chẽ, tránh để xảy ra tình trạng lãng phí, dư thừa giấy và mực in trong quá trình in ấn.
- » Tuân thủ pháp luật và đảm bảo các tiêu chí vệ sinh tác động đến môi trường của Công ty.
- » Tăng cường kiểm soát, giám sát, xây dựng biện pháp phòng ngừa ô nhiễm đến môi trường.
- » Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|--|----|
| Về các mặt hoạt động của Công ty | 51 |
| Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty | 52 |
| Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 53 |



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Có thể nói, năm 2019 Ban điều hành đã thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành Công ty, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Các thông tin của Công ty luôn công khai minh bạch, ủy quyền cho cán bộ chuyên trách phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện một cách kịp thời, chính xác. Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của Công ty cho HĐQT theo định kỳ và bất cứ khi nào cần thiết.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



9,49%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

vượt 9,49%
so với kế hoạch đề ra

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2019 | Thực hiện 2019 | TH 2019/ KH 2019 | TH 2019/ TH 2018 |
|----------------------|---------------|----------------|---------------------|---------------------|
| Tổng doanh thu | 556,000 | 611,106 | 109,91% | 108,35% |
| Lợi nhuận trước thuế | 45,000 | 49,271 | 109,49% | 103,23% |
| Tỷ lệ cổ tức | 16,0% | 16% | 100,00% | 100,00% |

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam năm 2019



9,91%

DOANH THU THUẦN

vượt 9,91%
so với kế hoạch đề ra

Trong năm 2019, doanh thu đạt 611 tỷ đồng (109,9% kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế đạt 49 tỷ đồng (109,5% kế hoạch). HĐQT ghi nhận những nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể người lao động của Công ty đã hoàn thành mục tiêu vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Về vấn đề sản xuất và phân phối, Ban Điều hành đã nỗ lực thực hiện đúng các định hướng của HĐQT đề ra.



Trong năm Ban điều hành đã có những giải pháp mạnh trong kinh doanh như sau

- » Nỗ lực tìm kiếm giải pháp thúc đẩy tiêu thụ hàng tồn kho sách VNEN.
- » Làm tốt công tác khai thác, mở rộng thêm thị trường mới, củng cố đầu tư hai cửa hàng bán lẻ và nghiên cứu mở rộng phát triển thị trường bán lẻ.
- » Tìm kiếm, khai thác nhiều đề tài sách nhằm nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các đề tài góp phần làm phong phú sản phẩm của Công ty và nâng cao vị thế thương hiệu SEDIDCO. Cụ thể, trong năm 2019, Công ty tổ chức xây dựng Cổng thông tin điện tử nhằm hỗ trợ công tác xuất bản - phát hành sách Tiếng Anh theo sự phân công của Nhà xuất bản Giáo dục.
- » Công ty đang triển khai thi công Dự án Nhà kho tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi và dự kiến đưa vào hoạt động vào tháng 7/2020.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ các kết quả đạt được trong năm 2019, Hội đồng quản trị đưa ra kế hoạch, phương án để mở rộng quy mô và nâng tầm vị thế của Công ty hơn nữa trong năm 2020 cụ thể như sau:

DOANH THU THUẦN

531.413.965.000
Đồng

LỢI NHUẬN
SAU THUẾ

35.661.369.600
Đồng

TỈ LỆ CỔ TỨC

16%



Hội đồng Quản trị nhận thấy tình hình kinh tế trong nước vẫn sẽ diễn biến theo chiều hướng tích cực. Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành chú trọng các công tác sau:

- » Hoàn thiện và kiểm soát chặt chẽ mọi khâu trong quy trình công việc của các bộ phận trong công ty nhằm đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- » Đổi mới, sáng tạo trong khai thác sản phẩm mới, dịch vụ mới gắn với chính sách bán hàng linh hoạt để mở rộng thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ty.
- » Tận dụng thương hiệu Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để đầu tư mở rộng kênh phân phối đến các trường, các Phòng Giáo dục & Đào tạo tại các tỉnh, thành phố.
- » Tăng cường quản lý rủi ro trong mọi hoạt động của công ty, đặc biệt tình hình công nợ, hàng hoá chậm luân chuyển.
- » Thực hành tiết kiệm trong toàn công ty bằng

- các biện pháp cụ thể.
- » Quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào, tiết kiệm chi phí, quản lý nguồn nhân lực và sắp xếp, bố trí lao động hợp lý.
- » Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp cho CBNV. Chú trọng việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn với phát triển thương hiệu SEDIDCO.
- » Thực hiện chính sách đãi ngộ hợp lý, chi trả lương, thưởng theo vị trí công tác và hiệu quả công việc nhằm khuyến khích, tạo động lực cho người lao động làm việc tích cực. Thực hiện chi trả cổ tức 16% trên vốn điều lệ cho cổ đông.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|--|----|
| Hội đồng quản trị | 57 |
| Ban Kiểm soát | 59 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | 61 |



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|----------------|--------------|-------------------------|--------------|
| Đình Gia Lê | Chủ tịch | - | - |
| Lê Huy | Phó Chủ tịch | - | - |
| Bùi Thu Giang | Thành viên | 9.700 | 0,097% |
| Phạm Vĩnh Thái | Thành viên | - | - |
| Lê Phương Mai | Thành viên | 25.000 | 0,25% |

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|------------|---------------|-----------------|
| Đình Gia Lê | Chủ tịch | 26/04/2019 | |
| Trần Thị Kim Nhung | Chủ tịch | | 26/04/2019 |
| Trần Lê Quang | Thành viên | | 26/04/2019 |
| Phạm Vĩnh Thái | Thành viên | 26/04/2019 | |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập Không có
Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị Không có

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

| Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do |
|-----------------|--------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| Đình Gia Lê | Chủ tịch | 5/6 | 83,33% | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019 |
| Lê Huy | Phó Chủ tịch | 6/6 | 100% | |
| Bùi Thu Giang | Thành viên | 6/6 | 100% | |
| Phạm Vĩnh Thái | Thành viên | 5/6 | 83,33% | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019 |
| Lê Phương Mai | Thành viên | 6/6 | 100% | |

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

| STT | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------|------------|---|
| 1 | 01/ NQ-SED-HĐQT | 14/01/2019 | Thông qua ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 (20/03/2019). |
| 2 | 05/ NQ-SED-HĐQT | 13/03/2019 | Thông qua vấn đề Tổ chức triển khai xây dựng Cổng thông tin điện tử nhằm hỗ trợ công tác xuất bản - phát hành sách Tiếng Anh và các loại sách giáo dục khác của Công ty. Thông qua vấn đề giao Ban điều hành triển khai các công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Công ty. |
| 3 | 06/ NQ-SED-HĐQT | 15/03/2019 | Thông qua điều chỉnh ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 (26/04/2019). |
| 4 | 08/ NQ-SED-HĐQT | 30/03/2019 | Thông qua vấn đề Kết quả hoạt động Sản xuất Kinh doanh quý 1/2019; Kế hoạch công tác quý 2 năm 2019; Ủy quyền cho Ban Điều hành chủ động thoái vốn tại CTCP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) với giá bán theo giá trên sàn UPCOM tại thời điểm thoái vốn; Thực hiện các công việc chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên 2019; Dự án Nhà kho tại KCN Tân Phú Trung. |
| 5 | 22/ NQ-SED-HĐQT | 26/04/2019 | Bầu Ông Đình Gia Lê giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo Dục Phương Nam nhiệm kỳ 2017 - 2022. |
| 6 | 26/NQ-HĐQT | 17/05/2019 | Thông qua vấn đề chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019. |
| 7 | 28/NQ-HĐQT | 27/06/2019 | Thông qua vấn đề Kết quả sản xuất kinh doanh Quý 2 và 6 tháng 2019; Kế hoạch công tác Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2019; Đồng ý việc thành lập mới Phòng Truyền thông - Marketing. |
| 8 | 31/NQ-HĐQT | 17/08/2019 | Thông qua vấn đề trang bị 01 xe ô tô 7 chỗ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty. |
| 9 | 34/NQ-HĐQT | 03/10/2019 | Thông qua vấn đề Kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3 và 9 tháng đầu năm 2019; Kế hoạch công tác Quý 4 năm 2019; Nhất trí thông qua kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2019 là 580đ/1000đ LNNT. |

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|--------------------|------------|-------------------------|--------------|
| Nguyễn Thị Chanh | Trưởng Ban | 8.000 | 0,08% |
| Đỗ Thị Phương Thảo | Thành Viên | 3.000 | 0,03% |
| Đoàn Xuân Linh | Thành viên | - | - |

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2019, HĐQT tổ chức họp thường xuyên định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty; đề xuất, giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đề ra biện pháp cụ thể trong

quản lý điều hành. Các Nghị Quyết của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Trong năm 2019, BKS không nhận thấy có điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty.



Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông:

Trong năm 2019, BKS thực hiện đúng Quy chế hoạt động của Công ty, BKS họp định kỳ để thảo luận, trao đổi thông tin giữa các thành viên nhằm triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty; thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá hoạt động tài chính kế toán và BCTC niên độ 2019. Các hoạt động của các thành viên BKS đã thực hiện cụ thể như sau:



- Xây dựng kế hoạch hoạt động để triển khai thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS năm 2019;

Thẩm định BCTC giữa niên độ và năm 2019; Tham gia các phiên họp của HĐQT trong năm 2019;
- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2019; đánh giá hoạt động của HĐQT và BĐH Công ty năm 2019;

Thảo luận Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019 để trình báo cáo ĐHĐCĐ;
- Thu thập thông tin để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện BCTC cho năm tài chính 2019 để đề nghị HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

Phối hợp với bộ phận quản lý cổ đông để theo dõi tình hình phản ánh ý kiến của cổ đông và tình hình thực hiện chi trả cổ tức;
- Tham gia với bộ phận Tài Chính - Kế Toán Công ty để thực hiện tiến trình cải tiến công tác Tài Chính - Kế Toán;

Tham gia một số nội dung, vấn đề khác với HĐQT trong các cuộc họp.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

| Thành viên | Chức vụ | Lương | Thưởng |
|--------------------------|-------------------|-------------|------------|
| Hội đồng quản trị | | | |
| Đình Gia Lê | Chủ tịch | 50.000.000 | 44.444.444 |
| Lê Huy | Thành viên | 72.000.000 | 99.999.999 |
| Bùi Thu Giang | Thành viên | 54.000.000 | 66.666.667 |
| Phạm Vĩnh Thái | Thành viên | 36.000.000 | 33.333.333 |
| Lê Phương Mai | Thành viên | 54.000.000 | 77.777.778 |
| Ban kiểm soát | | | |
| Nguyễn Thị Chanh | Trưởng ban | 18.000.000 | - |
| Đỗ Thị Phương Thảo | Thành viên | 9.000.000 | - |
| Đoàn Xuân Linh | Thành viên | 9.000.000 | - |
| Ban điều hành | | | |
| Lê Huy | Tổng Giám đốc | 822.542.896 | - |
| Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | 786.050.561 | - |
| Lê Phương Mai | Phó Tổng Giám đốc | 747.535.756 | - |
| Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | 586.175.028 | - |



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019

| | |
|--------------------------------------|----|
| Ý kiến kiểm toán | 64 |
| Bảng cân đối kế toán | 65 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 67 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 68 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 69 |

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 05/03/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Dương Thị Hằng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3947-2017-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 325.274.827.202 | 315.883.963.606 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 74.143.358.069 | 84.714.544.731 |
| 1. Tiền | 111 | | 19.143.358.069 | 29.577.421.443 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 55.000.000.000 | 55.137.123.288 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 73.539.193.977 | 58.111.708.728 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 39.946.420.021 | 57.575.456.777 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 34.549.297.401 | 1.208.784.508 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8.a | 1.417.317.312 | 936.271.162 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (2.373.840.757) | (1.608.803.719) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 174.410.896.392 | 168.928.622.509 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 181.777.582.619 | 173.791.355.261 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (7.366.686.227) | (4.862.732.752) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.181.378.764 | 4.129.087.638 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11.a | 3.181.378.764 | 3.667.249.717 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 12 | - | 461.837.921 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 80.304.617.298 | 57.002.423.716 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 22.342.369.898 | 22.342.369.898 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8.b | 22.342.369.898 | 22.342.369.898 |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 3.371.520.171 | 1.378.667.374 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 3.371.520.171 | 1.378.667.374 |
| - Nguyên giá | 222 | | 12.461.389.932 | 9.520.286.485 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (9.089.869.761) | (8.141.619.111) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 13.807.684.746 | 412.608.182 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 14 | 13.807.684.746 | 412.608.182 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 15 | 9.160.872.919 | 11.563.615.004 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 18.544.300.000 | 18.544.300.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (9.383.427.081) | (6.980.684.996) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 31.622.169.564 | 21.305.163.258 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11.b | 31.622.169.564 | 21.305.163.258 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 405.579.444.500 | 372.886.387.322 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2019

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 184.762.735.947 | 151.456.417.814 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 184.762.735.947 | 151.456.417.814 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 36.130.404.384 | 58.954.860.933 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 17 | 6.464.278.356 | 1.764.107.220 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 12 | 3.270.742.202 | 600.985.501 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 5.361.715.237 | 6.040.586.246 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 18 | 2.245.215.032 | 259.886.293 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19 | 16.396.074.295 | 316.865.845 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 20 | 104.303.193.900 | 76.851.244.674 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 10.591.112.541 | 6.667.881.102 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 220.816.708.553 | 221.429.969.508 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 220.816.708.553 | 221.429.969.508 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 21 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 21 | (71.500.000) | (71.500.000) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 21 | 119.001.756.070 | 103.615.017.025 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 21 | 1.886.452.483 | 1.886.452.483 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 21 | - | 16.000.000.000 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | - | 16.000.000.000 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 405.579.444.500 | 372.886.387.322 |



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
 Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ | 01 | 22 | 611.106.171.132 | 564.030.514.024 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 23 | 9.338.757.155 | 10.062.817.803 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10 | | 601.767.413.977 | 553.967.696.221 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 436.523.059.367 | 415.653.836.582 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ | 20 | | 165.244.354.610 | 138.313.859.639 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 2.461.978.083 | 2.636.521.864 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 7.756.478.716 | 3.844.125.072 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 4.432.410.907 | 2.764.719.045 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 27.a | 66.479.852.626 | 54.565.131.850 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27.b | 44.167.493.030 | 34.252.549.730 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 49.302.508.321 | 48.288.574.851 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 28 | 134.697.273 | 103.854.985 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 29 | 165.731.018 | 661.484.255 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (31.033.745) | (557.629.270) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 49.271.474.576 | 47.730.945.581 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 30 | 11.456.126.329 | 10.666.137.183 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 37.815.348.247 | 37.064.808.398 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 31 | 3.139 | 3.151 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 31 | 3.139 | 3.151 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác | 01 | 624.096.621.869 | 535.986.023.787 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV | 02 | (565.876.611.277) | (491.457.631.211) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (28.330.420.602) | (23.818.494.675) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | (4.246.433.149) | (2.661.632.694) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | (10.957.032.968) | (10.116.256.726) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 11.382.457.912 | 14.370.170.234 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (18.846.977.616) | (19.737.257.088) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 7.221.604.169 | 2.564.921.627 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác | 21 | (31.836.228.818) | (1.044.919.091) |
| 2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác | 22 | 134.697.273 | 590.909.091 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.456.791.488 | 2.655.622.348 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (29.244.740.057) | 2.201.612.348 |
| 1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 232.596.545.867 | 218.139.653.240 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (205.144.596.641) | (212.780.351.620) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (16.000.000.000) | (18.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 11.451.949.226 | (12.640.698.380) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (10.571.186.662) | (7.874.164.405) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 84.714.544.731 | 92.588.709.136 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 74.143.358.069 | 84.714.544.731 |



Tổng Giám đốc
 Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng
 Phạm Lan Anh

Người lập
 Nguyễn Thị Phương



Tổng Giám đốc
 Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng
 Phạm Lan Anh

Người lập
 Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 20/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------------------|---------------------------------|
| Máy móc, thiết bị | 2,5 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 1,5 |

4.5 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - Lịch, thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất 10%;
 - Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 187.658.243 | 82.539.972 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 18.955.699.826 | 29.494.881.471 |
| Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng | 55.000.000.000 | 55.137.123.288 |
| Cộng | 74.143.358.069 | 84.714.544.731 |

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh | 6.643.225.805 | 2.979.247.261 |
| Công ty CP Học liệu | - | 5.486.553.093 |
| Công ty CP In Bến Tre | - | 4.563.791.444 |
| Công ty CP In Scitech | - | 3.643.884.760 |
| Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam | 2.576.792.287 | 960.589.140 |
| Các đối tượng khác | 30.726.401.929 | 39.941.391.079 |
| Cộng | 39.946.420.021 | 57.575.456.777 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| Mối quan hệ | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
|--|----------------------|----------------------|---------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | Công ty đầu tư | 2.576.792.287 | 960.589.140 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận | Chung công ty đầu tư | 213.046.470 | 450.574.807 |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang | Chung công ty đầu tư | 93.835.890 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Chung công ty đầu tư | 278.060.520 | 451.506.928 |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Chung công ty đầu tư | 431.353.452 | 201.165.453 |
| Công ty CP Học liệu | Chung công ty đầu tư | - | 5.486.553.093 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM | Chung công ty đầu tư | 135.370.242 | 31.917.096 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư | 46.504.467 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Chung công ty đầu tư | 461.260.229 | 259.635.508 |
| Cộng | 4.236.223.557 | 7.841.942.025 | |

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nhà ở và Khu đô thị | 14.788.494.000 | - |
| Nhà máy in Bộ Tổng tham mưu | 1.388.043.800 | 643.434.000 |
| Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng | 9.936.091.570 | - |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 8.436.668.031 | 565.350.508 |
| Cộng | 34.549.297.401 | 1.208.784.508 |

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|-------------------------------|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu về thuế TNCN của NLD | 888.445.645 | - | 361.191.090 | - |
| Tạm ứng | 290.000.000 | - | 40.000.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 220.080.000 | - | 521.475.000 | - |
| Lãi dự thu | 18.791.667 | - | 13.605.072 | - |
| Cộng | 1.417.317.312 | - | 936.271.162 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*) | 22.222.369.898 | 22.222.369.898 |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Cộng | 22.342.369.898 | 22.342.369.898 |

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam – bên liên quan của Công ty) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán: | | |
| - Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 176.934.641 | 413.546.190 |
| - Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 835.744.223 | 383.301.294 |
| - Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 538.439.010 | 35.395.845 |
| - Từ 3 năm trở lên | 822.722.883 | 776.560.390 |
| Cộng | 2.373.840.757 | 1.608.803.719 |

10. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 23.625.456.935 | - | 52.857.201.837 | - |
| Chi phí SX, KD dở dang | 47.640.486.104 | - | 15.085.094.652 | - |
| Thành phẩm | 51.486.986.308 | 5.551.232.827 | 42.556.194.978 | 1.350.709.776 |
| Hàng hóa | 59.024.653.272 | 1.815.453.400 | 63.292.863.794 | 3.512.022.976 |
| Cộng | 181.777.582.619 | 7.366.686.227 | 173.791.355.261 | 4.862.732.752 |

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 31/12/2019 là 7.366.686.227 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ | 2.011.472.842 | 1.504.880.247 |
| Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bỏ trợ | 1.169.905.922 | 2.162.369.470 |
| Cộng | 3.181.378.764 | 3.667.249.717 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí tổ chức bán thảo | 227.116.816 | 44.640.000 |
| Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV | 6.540.066.667 | 7.519.266.667 |
| Chi phí thuê kho (*) | 24.854.986.081 | 13.741.256.591 |
| Cộng | 31.622.169.564 | 21.305.163.258 |

(*) Xem thuyết minh số 36.

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Số dư đầu năm | | | Số dư cuối năm | | |
|--------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|-------------|----------------------|
| | Số phải thu/ Còn được khấu trừ | Số phải nộp | Số phải nộp trong năm | Số thực nộp trong năm | Số phải thu | Số phải nộp |
| Thuế GTGT | 461.837.921 | - | 1.819.935.394 | 866.848.404 | - | 491.249.069 |
| Thuế TNDN | - | 502.936.023 | 11.456.126.329 | 10.957.032.968 | - | 1.002.029.384 |
| Thuế TNCN | - | 98.049.478 | 4.129.357.601 | 2.449.943.330 | - | 1.777.463.749 |
| Thuế môn bài | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - | - |
| Cộng | 461.837.921 | 600.985.501 | 17.408.419.324 | 14.276.824.702 | - | 3.270.742.202 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | | | | |
|---|---------------------|-----------|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Tình hình hoạt động | Tỷ lệ vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | | |
| - Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*) | Dang hoạt động | 7,50% | 7,50% | 770.000.000 | - | 770.000.000 | - |
| - Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam | Dang hoạt động | 5,52% | 5,52% | 6.000.000.000 | 1.451.267.081 | 6.000.000.000 | 659.744.996 |
| - Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFIT) | Dang hoạt động | 11,39% | 11,39% | 11.774.300.000 | 7.932.160.000 | 11.774.300.000 | 6.320.940.000 |
| Cộng | | | | 18.544.300.000 | 9.383.427.081 | 18.544.300.000 | 6.980.684.996 |

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 31/12/2019. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc thiết bị | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 647.275.200 | 8.543.977.815 | 329.033.470 | 9.520.286.485 |
| Mua sắm trong năm | - | 3.196.103.447 | - | 3.196.103.447 |
| T/lý, nhượng bán | - | 255.000.000 | - | 255.000.000 |
| Số cuối năm | 647.275.200 | 11.485.081.262 | 329.033.470 | 12.461.389.932 |
| Khấu hao | | | | |
| Số đầu năm | 647.275.200 | 7.165.310.441 | 329.033.470 | 8.141.619.111 |
| Khấu hao trong năm | - | 1.203.250.650 | - | 1.203.250.650 |
| T/lý, nhượng bán | - | 255.000.000 | - | 255.000.000 |
| Số cuối năm | 647.275.200 | 8.113.561.091 | 329.033.470 | 9.089.869.761 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | - | 1.378.667.374 | - | 1.378.667.374 |
| Số cuối năm | - | 3.371.520.171 | - | 3.371.520.171 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 6.390.532.443 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2019.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|------------------------------|-----------------------|--------------------|
| Công trình kho Tân Phú Trung | 13.807.684.746 | 412.608.182 |
| Cộng | 13.807.684.746 | 412.608.182 |

11/31/2019 12/11

11/31/2019 12/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 16.902.821.809 | 21.114.973.124 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | 1.333.821.190 | 7.141.789.650 |
| Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh | 4.095.127.374 | 8.130.452.520 |
| NXB Pearson (bản quyền tiếng Anh) | 5.008.856.860 | 3.723.096.632 |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 8.789.777.151 | 18.844.549.007 |
| Cộng | 36.130.404.384 | 58.954.860.933 |

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

| Mối quan hệ | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------|
| Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.HCM | Công ty đầu tư | 4.095.127.374 | 8.130.452.520 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội | Chung công ty đầu tư | 20.143.400 | 186.098.160 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư | - | 51.879.313 |
| Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | Chung công ty đầu tư | 385.743.540 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Chung công ty đầu tư | 16.902.821.809 | 21.114.973.124 |
| Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam | Chung công ty đầu tư | - | - |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | Chung công ty đầu tư | 1.333.821.190 | 7.141.789.650 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Chung công ty đầu tư | 1.358.778.842 | 1.679.884.207 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Chung công ty đầu tư | 74.962.370 | - |
| Công ty CP In Sách Giáo khoa tại Tp.HCM | Chung công ty đầu tư | - | 619.249.486 |
| Công ty CP Học liệu | Chung công ty đầu tư | 102.084.238 | - |
| Cộng | 24.273.482.763 | 38.924.326.460 | |

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Đồng Nai | 1.167.158.653 | 1.093.883.915 |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Bà Rịa - Vũng Tàu | 843.867.225 | 480.657.849 |
| Đối tượng khác | 4.453.252.478 | 189.565.456 |
| Cộng | 6.464.278.356 | 1.764.107.220 |

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí biên tập sách | 877.416.929 | - |
| Chi phí phát triển thị trường | 829.888.500 | - |
| Chi phí lãi vay | 416.822.962 | 230.845.204 |
| Chi phí khác | 121.086.641 | 29.041.089 |
| Cộng | 2.245.215.032 | 259.886.293 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|----------------------------|-----------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 396.074.295 | 316.865.845 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 16.000.000.000 | - |
| Cộng | 16.396.074.295 | 316.865.845 |

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Cuối năm |
|------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | 76.851.244.674 | 232.596.545.867 | 205.144.596.641 | 104.303.193.900 |
| Ngân hàng HSBC | 39.129.837.122 | 137.267.534.997 | 122.847.661.910 | 53.549.710.209 |
| Ngân hàng Standard Chartered | 37.721.407.552 | 65.156.384.001 | 67.078.852.026 | 35.798.939.527 |
| Ngân hàng HongLeong Bank | - | 30.172.626.869 | 15.218.082.705 | 14.954.544.164 |
| Cộng | 76.851.244.674 | 232.596.545.867 | 205.144.596.641 | 104.303.193.900 |

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Vốn khác của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|-----------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| Số dư tại 01/01/2018 | 100.000.000.000 | (71.500.000) | 88.109.929.887 | 1.886.452.483 | 18.000.000.000 |
| Tăng trong năm | - | - | 15.505.087.138 | - | 37.064.808.398 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 39.064.808.398 |
| Số dư tại 31/12/2018 | 100.000.000.000 | (71.500.000) | 103.615.017.025 | 1.886.452.483 | 16.000.000.000 |
| Số dư tại 01/01/2019 | 100.000.000.000 | (71.500.000) | 103.615.017.025 | 1.886.452.483 | 16.000.000.000 |
| Tăng trong năm | - | - | 15.386.739.045 | - | 37.815.348.247 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 53.815.348.247 |
| Số dư tại 31/12/2019 | 100.000.000.000 | (71.500.000) | 119.001.756.070 | 1.886.452.483 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 43.390.000.000 | 43.390.000.000 |
| Các cổ đông khác | 56.610.000.000 | 56.610.000.000 |
| Cộng | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |

c. Cổ phiếu

| | 31/12/2019 Cổ phiếu | 01/01/2019 Cổ phiếu |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND | | |

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang | 16.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay | 37.815.348.247 | 37.064.808.398 |
| Phân phối lợi nhuận | 53.815.348.247 | 39.064.808.398 |
| Phân phối lợi nhuận kỳ trước | 16.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - |
| - Trích khen thưởng phúc lợi | - | - |
| - Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành | - | - |
| - Chia cổ tức cho cổ đông | 16.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Phân phối lợi nhuận kỳ này | 37.815.348.247 | 21.064.808.398 |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | 15.386.739.045 | 15.505.087.138 |
| - Trích khen thưởng phúc lợi | 4.537.841.790 | 3.706.480.840 |
| - Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành | 1.890.767.412 | 1.853.240.420 |
| - Chia cổ tức cho cổ đông | 16.000.000.000 | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | 16.000.000.000 |

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết số 21/NQ-SED ngày 16/04/2018 của Hội đồng quản trị và việc phân phối lợi nhuận sau thuế 2018 đã được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 20/NQ-ĐHCĐ-SED ngày 26/04/2019.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 20/ NQ-ĐHCĐ-SED ngày 26/04/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ | 317.727.917.250 | 267.455.134.211 |
| Doanh thu sách tham khảo | 237.929.569.360 | 218.557.405.810 |
| Doanh thu thiết bị giáo dục | 1.299.338.053 | 1.260.032.614 |
| Doanh thu khác (bán giấy) | 52.391.748.082 | 74.438.502.493 |
| Doanh thu từ hoạt động liên doanh | 1.757.598.387 | 2.319.438.896 |
| Cộng | 611.106.171.132 | 564.030.514.024 |

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---------------------|----------------------|-----------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 9.338.757.155 | 10.062.817.803 |
| Cộng | 9.338.757.155 | 10.062.817.803 |

24. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ | 223.824.123.720 | 183.504.273.390 |
| Giá vốn sách tham khảo | 158.486.056.043 | 157.057.955.671 |
| Giá vốn thiết bị giáo dục | 1.886.760.650 | 1.715.797.549 |
| Giá vốn sản phẩm khác (bán giấy) | 48.869.330.490 | 71.208.998.382 |
| Giá vốn hoạt động liên doanh | 952.834.989 | 1.039.627.844 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 2.503.953.475 | 1.127.183.746 |
| Cộng | 436.523.059.367 | 415.653.836.582 |

25. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 2.369.578.083 | 2.544.121.864 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 92.400.000 | 92.400.000 |
| Cộng | 2.461.978.083 | 2.636.521.864 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 4.432.410.907 | 2.764.719.045 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | 921.325.724 | 1.500.084.669 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 2.402.742.085 | (420.678.642) |
| Cộng | 7.756.478.716 | 3.844.125.072 |

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí vận chuyển | 5.290.313.722 | 4.428.008.261 |
| Tiền lương và các khoản trích theo lương | 18.183.003.757 | 16.117.314.816 |
| Chi phí khấu hao Tài sản cố định | 225.581.376 | 715.163.657 |
| Chi phí phát triển thị trường | 16.452.980.335 | 10.152.483.230 |
| Chi phí tập huấn | 10.656.094.579 | 7.743.214.361 |
| Các khoản khác | 15.671.878.857 | 15.408.947.525 |
| Cộng | 66.479.852.626 | 54.565.131.850 |

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương và các khoản trích theo lương | 13.767.941.347 | 11.964.226.432 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 977.669.274 | 1.545.110.509 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 765.037.038 | 479.264.797 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.411.201.072 | 11.039.646.479 |
| Các khoản khác | 11.245.644.299 | 9.224.301.513 |
| Cộng | 44.167.493.030 | 34.252.549.730 |

28. Thu nhập khác

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Thu nhập khác | - | 103.854.985 |
| Thu nhập từ thanh lý TSCĐ | 134.697.273 | - |
| Cộng | 134.697.273 | 103.854.985 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí khác

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Các khoản bị phạt thuế | 165.731.018 | 112.740.409 |
| Lỗ do thanh lý TSCĐ | - | 548.743.846 |
| Cộng | 165.731.018 | 661.484.255 |

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 49.271.474.576 | 47.730.945.581 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD chính | 48.466.711.178 | 46.451.134.529 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh | 804.763.398 | 1.279.811.052 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | 4.694.273.859 | 3.404.363.772 |
| Điều chỉnh tăng | 4.786.673.859 | 3.496.763.772 |
| - Chi phí không hợp lệ | 4.487.174.742 | 3.082.300.000 |
| - Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ | 133.768.099 | 301.723.363 |
| - Chi phí phạt thuế | 165.731.018 | 112.740.409 |
| Điều chỉnh giảm | 92.400.000 | 92.400.000 |
| - Cổ tức lợi nhuận được chia | 92.400.000 | 92.400.000 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 53.965.748.435 | 51.135.309.353 |
| - Từ hoạt động SXKD chính | 53.160.985.037 | 49.855.498.301 |
| - Từ hoạt động liên doanh | 804.763.398 | 1.279.811.052 |
| Thuế TNDN từ hoạt động SXKD chính | 10.632.197.007 | 9.971.099.660 |
| Thuế TNDN từ hoạt động liên doanh | 160.952.680 | 255.962.210 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 11.456.126.329 | 10.666.137.183 |
| Trong đó: | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này | 10.793.149.687 | 10.227.061.871 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | 662.976.642 | 439.075.312 |

31. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 37.815.348.247 | 37.064.808.398 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế | (6.428.609.202) | (5.559.721.260) |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) | 6.428.609.202 | 5.559.721.260 |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 31.386.739.045 | 31.505.087.138 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | 3.139 | 3.151 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 205.420.807.068 | 170.203.751.956 |
| Chi phí nhân công | 31.950.945.104 | 28.081.541.248 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.203.250.650 | 2.260.274.166 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 226.978.497.658 | 193.612.306.037 |
| Chi phí khác bằng tiền | 27.438.154.090 | 24.706.278.150 |
| Cộng | 492.991.654.570 | 418.864.151.557 |

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| | Đơn vị tính: VND | | |
|--------------------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| 31/12/2019 | | | |
| Phải trả người bán | 36.130.404.384 | - | 36.130.404.384 |
| Chi phí phải trả | 2.245.215.032 | - | 2.245.215.032 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 104.303.193.900 | - | 104.303.193.900 |
| Cộng | 158.678.813.316 | - | 158.678.813.316 |
| 01/01/2019 | | | |
| Phải trả người bán | 58.954.860.933 | - | 58.954.860.933 |
| Chi phí phải trả | 259.886.293 | - | 259.886.293 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 76.851.244.674 | - | 76.851.244.674 |
| Cộng | 136.065.991.900 | - | 136.065.991.900 |

Công ty có rủi ro thanh khoản ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

| Giao dịch | Năm 2019 | Năm 2018 | |
|--|-----------------------------|----------------|----------------|
| Bán hàng | | | |
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | Cung ứng lịch, STK | 1.603.250.001 | 1.252.545.454 |
| Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội | Cung ứng lịch, STK | 290.043.182 | 256.352.273 |
| Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng | Cung ứng lịch, STK | 85.738.636 | 67.227.274 |
| Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh | Cung ứng lịch, STK | 92.907.016 | 144.545.455 |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre | Cung ứng lịch, STK | 9.598.420.525 | 8.000.665.162 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận | Cung ứng lịch, STK | 13.808.241.692 | 10.234.143.620 |
| Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ | Cung ứng lịch, STK | 19.125.000 | 23.568.182 |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Cung ứng lịch, STK | 219.210.726 | 164.000.000 |
| Công ty CP Sách - TB Trường Học Tp. HCM | Cung ứng lịch, STK | 48.618.463.920 | 43.452.942.220 |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang | Cung ứng lịch, STK | 14.564.113.030 | 11.981.971.046 |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long | Cung ứng lịch, STK | 9.227.944.109 | 6.026.426.537 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Cung ứng lịch, STK | 1.619.967.808 | 1.399.060.546 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Cung ứng lịch, STK | 737.095.436 | 1.490.221.210 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | Cung ứng lịch, STK | 120.286.141 | 70.978.400 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Cung ứng lịch, STK | 75.500.000 | 224.569.682 |
| Công ty CP Học liệu | Cung ứng lịch, STK | 2.631.175.704 | 6.259.754.158 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Cung ứng lịch, STK | 432.551.361 | 750.863.893 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp.HCM | Cung ứng lịch, STK | 1.746.096.090 | 5.624.593.710 |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Cung ứng lịch, STK | 5.970.312.852 | 4.911.248.264 |
| Mua hàng | | | |
| Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam | Mua SGK, STK | 47.835.242.530 | 32.744.361.604 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP Đà Nẵng | Mua SGK, STK | - | 9.750.000 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh | Chi phí tổ chức bán thảo | 34.005.321.532 | 32.744.361.604 |
| Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội | Mua SGK, STK | 7.070.506.545 | 6.713.333.556 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội | Mua SGK, STK | 1.497.189.880 | 202.102.160 |
| Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | Mua SGK, STK | 4.221.137.040 | 3.882.296.000 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh | Mua SGK, STK | 198.616.824 | 9.403.645.252 |
| Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Mua SGK, STK | 4.743.821.376 | 6.682.212.003 |
| Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định | Chi phí tổ chức bán thảo | 4.959.167.440 | 6.377.891.022 |
| | Mua SGK, STK | 9.992.191.500 | 9.266.390.700 |
| Công ty CP Học liệu | Mua đĩa CD, sách, VPP | 18.170.162.339 | 6.698.225.590 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Mua sách bổ trợ, STK | 1.858.289.016 | 1.137.033.776 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Mua sách tham khảo | 4.348.515.682 | 4.875.219.053 |
| | Tiền nhuận bút, phí tác giả | 991.576.342 | 1.130.031.186 |
| Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh | Chi phí in | 4.221.137.040 | 2.062.800.940 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang | Chi phí phần mềm | 231.600.000 | 204.720.000 |
| Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam | Mua SGK, STK | 2.540.942.110 | 1.270.758.190 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM | Mua SGK, STK | 6.185.917.183 | 4.032.185.192 |
| Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc | | | |
| | Tiền lương của HĐQT | 2.356.129.213 | 2.204.437.319 |
| | Tiền thưởng của HĐQT | 522.222.220 | 336.666.657 |
| | Tiền thù lao của HĐQT | 330.000.000 | 432.000.000 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| 31/12/2019 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 74.143.358.069 | - | 74.143.358.069 |
| Đầu tư tài chính | - | 9.160.872.919 | 9.160.872.919 |
| Phải thu khách hàng | 37.572.579.264 | - | 37.572.579.264 |
| Phải thu khác | 238.871.667 | 22.342.369.898 | 22.581.241.565 |
| Cộng | 111.954.809.000 | 31.503.242.817 | 143.458.051.817 |
| 01/01/2019 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 84.714.544.731 | - | 84.714.544.731 |
| Đầu tư tài chính | - | 11.563.615.004 | 11.563.615.004 |
| Phải thu khách hàng | 55.966.653.058 | - | 55.966.653.058 |
| Phải thu khác | 535.080.072 | 22.342.369.898 | 22.877.449.970 |
| Cộng | 141.216.277.861 | 33.905.984.902 | 175.122.262.763 |

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| | Mối quan hệ |
|---|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam") | Công ty đầu tư |
| Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội | Công ty đầu tư |
| Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng | Công ty đầu tư |
| Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh | Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ | Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Học liệu | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM | Chung công ty đầu tư |
| Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục | Chung công ty đầu tư |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Cam kết thuê

Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTD/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054 để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Lê Huy

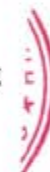
Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương



NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT